

DT (6) - Điều, Hà, Lâm, các (q) nhân / 16.9.19
- Lưu, ZH

608

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 691/QĐ-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 13 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
Cao đẳng nghề khóa 10 và sinh viên Cao đẳng nghề chậm tiến độ khóa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 15/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc công nhận sinh viên CĐN-K10 và sinh viên CĐN chậm tiến độ khóa học đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/9/2019 của Hội đồng thi tốt nghiệp về việc xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên CĐN-K10 và sinh viên CĐN chậm tiến độ khóa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề cho 29 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|---|-------|
| 1. Sinh viên Cao đẳng nghề khóa 10: | 18 SV |
| 2. Sinh viên Cao đẳng nghề chậm tiến độ khóa học: | 11 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chưa công nhận tốt nghiệp Cao đẳng nghề cho 01 sinh viên (có danh sách kèm theo). Sinh viên được phép thi lại tốt nghiệp theo quy định, quy chế.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng khoa Điện - Điện tử, Trưởng khoa Công nghệ thông tin và sinh viên có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (5 bộ).

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đặng Quyết Chăng

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG NGHỀ KHÓA 10

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

Hình thức đào tạo: Hệ chính quy

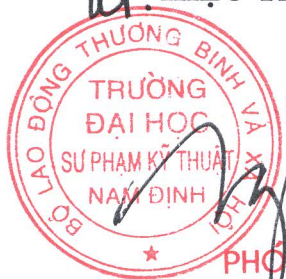
(Ban hành kèm theo Quyết định số 691.../QĐ-ĐHSPKTND ngày 13...tháng...năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Nghề đào tạo	Điểm TBC toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
									Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	16Q0100001	Trần Văn Chiến	10/06/1998	Nam	Nam Định	CĐN - Hàn 10	Hàn	7,6	6,0	5,5	6,2	6,7	Trung bình khá
2	16Q0100002	Nguyễn Mạnh Đông	30/01/1998	Nam	Nam Định	CĐN - Hàn 10	Hàn	7,7	5,8	7,0	5,7	6,9	Trung bình khá
3	16Q0100003	Nguyễn Văn Lượng	05/09/1996	Nam	Thanh Hóa	CĐN - Hàn 10	Hàn	8,6	8,3	8,8	7,3	8,2	Giỏi
4	16Q0100004	Nguyễn Tiến Thanh	25/02/1998	Nam	Nam Định	CĐN - Hàn 10	Hàn	7,7	8,8	7,8	6,6	7,3	Khá
5	16Q0100005	Trần Văn Tiên	04/10/1998	Nam	Nam Định	CĐN - Hàn 10	Hàn	7,7	9,5	7,0	6,8	7,2	Khá
6	16Q0100006	Phạm Hồng Tiến	24/08/1998	Nam	Nghệ An	CĐN - Hàn 10	Hàn	7,6	7,5	8,3	7,5	7,6	Khá
7	16Q0100009	Trần Quang Trường	13/12/1998	Nam	Hà Nam	CĐN - Hàn 10	Hàn	8,3	8,3	8,0	7,8	8,0	Giỏi
8	16Q0050001	Hoàng Tuấn Anh	13/05/1998	Nam	Đắk Lắk	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8,1	8,5	8,5	9,5	8,6	Giỏi
9	16Q0050002	Trần Văn Chuyên	24/01/1998	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,7	7,5	8,3	8,0	7,9	Khá
10	16Q0050003	Nguyễn Thành Công	02/11/1997	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,7	9,0	8,3	8,5	8,0	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	16Q0050005	Vũ Đức Tiến	Đại	18/03/1998	Nam	Thái Bình	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,8	9,3	9,0	9,5	8,5	Giỏi
12	16Q0050006	Lê Thành	Đức	14/08/1995	Nam	Thanh Hóa	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,9	8,5	8,5	8,0	8,0	Giỏi
13	16Q0050008	Nguyễn Trung	Hiếu	03/04/1998	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,5	8,0	9,0	9,5	8,4	Giỏi
14	16Q0050009	Trần Ngọc	Hiếu	04/06/1998	Nam	Hà Nam	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,6	7,3	8,0	7,8	7,7	Khá
15	16Q0050011	Vũ Đức	Nghị	03/10/1998	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,7	8,3	9,3	9,3	8,5	Giỏi
16	16Q0050012	Nguyễn Tài	Quỳnh	12/10/1998	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,6	8,3	9,8	9,3	8,5	Giỏi
17	16Q0050015	Phạm Thế	Tài	07/01/1998	Nam	Thái Bình	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8,3	8,0	9,3	9,3	8,8	Giỏi
18	16Q0050016	Trần Việt	Tuấn	16/03/1998	Nam	Hà Nam	CĐN - KTL 10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8,3	8,0	9,0	9,5	8,8	Giỏi

Ấn định danh sách: 18 sinh viên. *ll*

K. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG NGHỀ CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

Hình thức đào tạo: Hệ chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 691./QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 13 tháng 7 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Nghề đào tạo	Điểm TBC toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
									Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	14Q0070009	Nguyễn Thành Công	19/05/1996	Nam	Nam Định	CĐN - ĐCN 8	Điện công nghiệp	6,6	7,3	6,0	7,8	6,9	Trung bình khá
2	14Q0070019	Nguyễn Văn Hướng	25/07/1996	Nam	Nam Định	CĐN - ĐCN 8	Điện công nghiệp	6,6	7,0	6,0	9,4	7,4	Khá
3	14Q0070002	Hoàng Thị Vân Anh	06/04/1996	Nữ	Nam Định	CĐN - ĐCN 9	Điện công nghiệp	7,2	9,0	6,0	8,6	7,4	Khá
4	15Q0060012	Trần Hải Đăng	08/09/1997	Nam	Nam Định	CĐN - ĐCN 9	Điện công nghiệp	7,5	9,5	6,0	9,1	7,7	Khá
5	15Q0060039	Nguyễn Văn Thế	22/06/1995	Nam	Nam Định	CĐN - ĐCN 9	Điện công nghiệp	6,2	6,0	5,0	8,4	6,7	Trung bình khá
6	14Q0080004	Vũ Tiến Đạt	30/09/1996	Nam	Nam Định	CĐN - ĐTCN 8	Điện tử công nghiệp	6,6	9,0	7,5	8,3	7,3	Khá
7	15Q0070023	Đào Văn Việt	06/07/1997	Nam	Nam Định	CĐN - ĐTCN 9	Điện tử công nghiệp	7,0	6,3	6,3	5,6	6,4	Trung bình khá
8	15Q0050019	Trần Đức Hưng	19/05/1997	Nam	Nam Định	CĐN - KTL 9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,6	7,8	7,8	7,8	7,2	Khá
9	14Q0110033	Phạm Thanh Tú	23/03/1996	Nam	Nam Định	CĐN - Ôtô 8	Công nghệ ô tô	6,7	7,5	9,0	6,3	6,9	Trung bình khá
10	15Q0110005	Đỗ Văn Bình	19/01/1992	Nam	Nam Định	CĐN - Ôtô 9	Công nghệ ô tô	7,1	8,5	9,5	6,6	7,3	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	13Q0040005	Chu Thị Hoa	12/02/1995	Nữ	Nam Định	CDN - QTM 7	Quản trị mạng máy tính	7,1	8.0	5,5	5,5	6,3	Trung bình khá

Ấn định danh sách: 11 sinh viên. *ll*


HIỆU TRƯỞNG
ll
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ll
TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG NGHỀ CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC

Chưa được công nhận tốt nghiệp Cao đẳng nghề

Hình thức đào tạo: Hệ chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 691.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 15...tháng 9...năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Nghề đào tạo	Điểm TBC toàn khóa	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề		
1	13Q0040007	Trần Văn Hùng	11/12/1994	Nam	Nam Định	CĐN-QTM 7	Quản trị mạng máy tính	7,3	7,3	3,3	8,0	6,8	

Ấn định danh sách: 01 sinh viên. *HL*

HL HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. *Đặng Quyết Thắng*